

Mã SV	Họ	Tên	P	Ng	Bản	Bản	Bản	Giả	Lý	Ghi
		n	h	ày	sao	sao	sao	y	c	lịch
		ái	Sin	Bản	GK	am	HS			
		h	học	g	T	Sin	kết	SV		
		bạ	NP	h	PV					
			TT	N						
			H							
K32.	Phạm	Tr	20							
201.	Thị	âm	05							
232	Bích		88							
K34.	Nguyễn	Ch	0	90	X				CK	
201.	Đức	inh	99						MT	
201			0							
K34.	Lộc	Thị	Du	1	10	X			CK	
201.		ng	19						MT	
203			0							
K34.	Nguyễn	Du	1	20	X				CK	
201.	Hồng	yê	59						MT	
204		n	0							
K34.	Lưu	Dũ	0	26	X				CK	
201.	Quốc	ng	08						MT	
205			90							
K34.	Vũ	Thị	Dư	1	19	X				
201.	Thùy	on	03							
206		g	90							
K34.	Lê	Thị	Đa	1	15	X			CK	
201.	Ngọc	ng	05						MT	
207			89							
K34.	Dương	Đô	1	19	X				CK	
201.	Thu	ng	05						MT	
208			90							
K34.	Văn	Hà	0	20					CK	
201.	Thành	i	10						MT	
209			84							
K34.	Đỗ	Hà	1	21	X				CK	
201.	Hoàng	o	08						MT	
210			90							
K34.	Phùng	Hu	1	26	X				CK	
201.	Thị	yê	07						MT	
211	Diệu	n	90							
K34.	Tô	Hư	1	25	X					
201.	Thanh	on	10							
212		g	90							
K34.	Lê	Thị	Lo	1	14	X			CK	
201.	Hồng	an	02						MT	
213			90							
K34.	Huỳnh	Lo	0	26	X					
201.	Phi	ng	01							
214			90							
K34.	Trần	Na	0	27	X					

201. Hoàng m	07		
215	90		
K34. Trần Ng 1	30	X	
201. Thị ọc	89		
217 Kim	0		
K34. Nguyễn Nư 1	18	X	CK
201. Thị ơn	08		MT
218 Kiều g	90		
K34. Nguyễn Ph 0	15	X	
201. Văn úc	09		
219	90		
K34. Bông Ph 1	31	X	CK
201. Hoàng ươ	05		MT
220 Hoài ng	90		
K34. Lê Thị Ph 1	26	X	
201. Lan ươ	08		
221 ng	90		
K34. Lê Qu 0	11	X	
201. Thanh ăn	12		
222 g	90		
K34. Đồng Qu 1	24	X	CK
201. Thị ỳn	10		MT
223 Kim h	90		
K34. Hoàng Th 1	30	X	CK
201. Phương an	11		MT
224 h	90		
K34. Nguyễn Th 1	22		
201. Thị ắm	11		
225 Hồng	89		
K34. Nguyễn Th 1	27	X	
201. Thị ảo	02		
226 Phương	90		
K34. Vũ Văn Th 0	19		
201. ảo	03		
227	89		
K34. Nguyễn Th 1	60	X	CK
201. Thị u	89		MT
228	0		
K34. Danh Th 1	90	X	CK
201. Thị úy	79		MT
229 Bạch	0		
K34. Huỳnh Th 1	19	X	CK
201. Thị ủy	05		MT
230 Bích	90		
K34. Đình Th 1	18		
201. Thị ủy	10		
231 Thanh	84		
K34. Nguyễn Tr 1	17	X	CK
201. Quỳnh an	05		MT
232 g	90		

K34. Lê Thị Tr	1	71		CK
201. Thanh uy		08		MT
234		6		
K34. Bùi Tu	0	28	X	CK
201. Anh ần		08		MT
235		90		
K34. Lâm Tu	1	13		CK
201. Thị yết		06		MT
236 Ánh		89		
K34. Phạm Tí	0	10	X	CK
201. Trung nh		01		MT
237		90		
K34. Trần Vâ	1	11	X	CK
201. Thị Thun		05		MT
238		90		
K34. Lưu Thị Vy	1	14	X	CK
201. Thúy		08		MT
239		90		